

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU**  
**NGÀNH: KINH TẾ**  
**CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ**  
**MÃ SỐ: 831010201**

*(Ban hành theo Quyết định số 3539/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25 tháng 09 năm 2015  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội  
Cập nhật theo Công văn số 1884/ĐHQGHN-ĐT ngày 06/06/2017 và Công văn số  
177/ĐHQGHN-ĐT ngày 18/01/2019 của Đại học Quốc gia Hà Nội)*

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo**

- **Tên chuyên ngành đào tạo:**
  - + Tiếng Việt: Kinh tế chính trị
  - + Tiếng Anh: Political Economy
- **Mã số chuyên ngành đào tạo:** 831010201
- **Tên ngành đào tạo:**
  - + Tiếng Việt: Kinh tế
  - + Tiếng Anh: Economics
- **Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ
- **Thời gian đào tạo:** 2 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp:**
  - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Kinh tế
  - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Economics
- **Đơn vị đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

**2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

- **Mục tiêu chung:**

Đào tạo thạc sĩ kinh tế chính trị có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế chính trị hiện đại, có khả năng, kỹ năng làm việc trong các tổ chức kinh tế chính trị - xã hội, hệ thống cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các viện nghiên cứu và trường đại học.

- **Mục tiêu cụ thể:**

+ Cung cấp kiến thức hệ thống, chuyên sâu về kinh tế chính trị học hiện đại, đặc biệt là các kiến thức toàn diện về sự tương tác giữa hệ thống chính trị quốc gia và kinh tế thị trường quy mô toàn cầu, cách thức để chính phủ tác động vào các nhóm lợi ích, các tổ chức lợi nhuận và phi lợi nhuận cũng như ảnh hưởng của các tổ chức này đến các quyết định của chính phủ; về thất bại thị trường, cấu trúc của các thể chế kinh tế cũng như cơ sở của những lựa chọn công;

+ Trang bị phương pháp tư duy khoa học, khả năng viết và trình bày các báo cáo kinh tế chuyên sâu một cách chuyên nghiệp, khả năng tham gia nghiên cứu, giải quyết các vấn đề kinh tế hiện thực dưới góc nhìn chuyên sâu về kinh tế chính trị hiện đại;

+ Cung cấp khả năng học tập ở bậc tiến sĩ chuyên ngành kinh tế chính trị và tích lũy kiến thức từ hoạt động thực tiễn để trở thành các chuyên gia tư vấn, phân biện, hoạch định và thực thi chính sách kinh tế, các nhà lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Hình thức tuyển sinh**

- Thi tuyển với các môn thi sau đây:
  - + Môn thi Cơ bản: Kinh tế chính trị
  - + Môn thi Cơ sở: Lịch sử các học thuyết kinh tế
  - + Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh.

#### **3.2. Đối tượng tuyển sinh**

##### **3.2.1. Điều kiện văn bằng**

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành Kinh tế nhưng không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị hoặc ngành gần với ngành Kinh tế, có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (15 tín chỉ);
- Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành Kinh tế nhưng không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị hoặc ngành gần với ngành Kinh tế, có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 7 học phần (21 tín chỉ);
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác, có bằng lý luận chính trị trình độ từ trung cấp trở lên và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 09 học phần (27 tín chỉ).

##### **3.2.2. Điều kiện thâm niên công tác**

- Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay;

- Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kí dự thi.

### **3.3. Danh mục các ngành gần**

- Kinh tế quốc tế; Toán kinh tế, Thống kê kinh tế; Tài chính – Ngân hàng; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại, Quản trị văn phòng, Quản trị nhân lực, Khoa học quản lý, Bảo hiểm, Kiểm toán.

### **3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức**

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành Kinh tế nhưng không có định hướng chuyên sâu về Kinh tế chính trị hoặc ngành gần với ngành Kinh tế, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 5 học phần (15 tín chỉ):

- + Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)
- + Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)
- + Lịch sử các học thuyết kinh tế (3 tín chỉ)
- + Kinh tế học phát triển (3 tín chỉ)
- + Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi (3 tín chỉ)

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành Kinh tế nhưng không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế chính trị hoặc ngành gần với ngành Kinh tế, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 7 học phần (21 tín chỉ):

- + Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)
- + Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)
- + Lịch sử các học thuyết kinh tế (3 tín chỉ)
- + Kinh tế học phát triển (3 tín chỉ)
- + Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi (3 tín chỉ)
- + Kinh tế học quốc tế (3 tín chỉ)
- + Kinh tế học tiền tệ-ngân hàng (3 tín chỉ)

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác và có bằng lý luận chính trị trình độ từ trung cấp trở lên, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 09 học phần (27 tín chỉ):

+	Kinh tế vi mô	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế vĩ mô	(3 tín chỉ)
+	Lịch sử các học thuyết kinh tế	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế học phát triển	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế học quốc tế	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế học tiền tệ-ngân hàng	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế học công cộng	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế học môi trường	(3 tín chỉ)

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn**

- Học viên nắm vững các kiến thức cơ sở về kinh tế chính trị, hiểu và biết vận dụng các kiến thức này thông qua các học phần như Kinh tế chính trị nâng cao, Kinh tế quốc tế nâng cao, Kinh tế chính trị so sánh, Chính sách công...

- Học viên nắm vững các kiến thức chuyên sâu, các kỹ năng, phương pháp phân tích kinh tế chủ yếu để hiểu và vận dụng vào thực tiễn công việc thông qua các học phần như Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế, Môi trường và phát triển kinh tế bền vững, Khu vực kinh tế nhà nước ở Việt Nam, Chính trị học môi trường toàn cầu, Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người, Năng lực cạnh tranh quốc gia trong nền kinh tế toàn cầu...

- Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

- Người học làm chủ và biết sử dụng kiến thức lý thuyết, thực tiễn được trang bị để phát hiện, phân tích, đánh giá, tổng hợp, bước đầu phản biện và giải quyết một vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế chính trị thông qua việc hoàn thiện luận văn tốt nghiệp;

- Chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

## **2. Chuẩn về kĩ năng**

### **2.1. Kĩ năng nghề nghiệp**

- Có kĩ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kĩ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực được đào tạo;

- Hình thành kĩ năng phát hiện, phân tích, đánh giá phản biện, tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế dựa trên những luận cứ chuyên sâu về kinh tế chính trị;

- Có khả năng tư duy hệ thống và phương pháp liên ngành trên cơ sở tiếp cận sâu từ góc nhìn của kinh tế chính trị;

- Có khả năng tham gia tích cực vào quá trình tư vấn, tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện các chính sách công, các quyết định giải quyết xung đột giữa các nhóm lợi ích khác nhau trong nền kinh tế;

- Có khả năng tự nghiên cứu và vận dụng các kiến thức, các kĩ năng vào nhận diện và giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trên thực tế; từng bước hình thành năng lực sáng tạo, chủ động đàm phán giải quyết xung đột giữa các nhóm lợi ích.

### **2.2. Kĩ năng bổ trợ**

- Kĩ năng ngoại ngữ chuyên ngành: Có kĩ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ;

- Có kĩ năng làm việc độc lập, biết đàm phán và quản lý sự thay đổi;

- Có kĩ năng viết và trình bày các báo cáo phân tích kinh tế một cách chuyên nghiệp;

- Giao tiếp tốt bằng tiếng Anh trong công việc học tập và nghiên cứu;
- Vận dụng thành thạo phần mềm phân tích dữ liệu SPSS, Eviews hoặc STATA...

### **3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức**

#### **3.1. Trách nhiệm công dân**

- Tự chủ và sáng tạo trong xử lý tình huống; biết lắng nghe, đàm phán và phản biện.

#### **3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ**

- Chuyên nghiệp và chủ động trong công việc; dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc.

#### **3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề**

- Có trách nhiệm xã hội cao; chủ động đề xuất giải pháp xử lý các tình huống kinh tế xã hội phát sinh.

### **4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

#### **- Nhóm 1: Chuyên viên phân tích, tư vấn về kinh tế**

Có đủ năng lực chuyên môn để làm việc tại các tổ chức kinh tế chính trị xã hội mang tính liên ngành; các tổ chức tư vấn kinh tế, các tổ chức hành chính sự nghiệp, các thể chế kinh tế quốc tế tại Việt Nam; có thể trở thành các chuyên viên phân tích đánh giá, phản biện, tư vấn và hoạch định chính sách công; chuyên viên tư vấn giám sát việc triển khai các quyết định quản lý...; triển vọng có thể trở thành các chuyên gia phân tích chính sách, các nhà tư vấn và quản lý kinh tế cấp cao.

#### **- Nhóm 2: Nghiên cứu viên và giảng viên kinh tế**

Có năng lực nghiên cứu và giảng dạy tại các viện nghiên cứu, các trường đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên tham gia nghiên cứu, đề xuất các luận thuyết khoa học mới và giảng dạy các vấn đề kinh tế theo các cách tiếp cận mới, đặc biệt là về các lĩnh vực kinh tế chính trị hiện đại, kinh tế chính trị quốc tế; phân tích và hoạch định chính sách công...; triển vọng có thể trở thành các nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp về kinh tế.

### **5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể học bổ sung một số nội dung chuyên môn kinh tế chính trị và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập ở bậc tiến sĩ chuyên ngành kinh tế, để trở thành các chuyên gia phân tích, các nhà lãnh đạo kinh tế, các giảng viên cao cấp về kinh tế chính trị.

## 6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế chính trị được xây dựng trên sự tham khảo chương trình đào tạo của Trường ĐH Manchester.

Xếp hạng Trường Manchester thứ 38 trên bảng xếp hạng thế giới do tổ chức Academic Ranking of World Universities xếp hạng năm 2014 tại website <http://www.shanghairanking.com/ARWU2011.html>.

Các học phần của chương trình thạc sĩ Kinh tế chính trị của Trường Manchester trong website :

<http://www.manchester.ac.uk/postgraduate/taughtdegrees/courses/atoz/course/?code=06969&pg=all>

Chương trình được thiết kế theo 4 hướng nghiên cứu: đó là hướng nghiên cứu về lý thuyết Kinh tế chính trị, Kinh tế chính trị của phát triển, Kinh tế chính trị của xã hội, không gian và môi trường, Kinh tế chính trị về tài chính, kinh doanh và việc làm. Học viên được lựa chọn 1 trong 4 hướng nghiên cứu đó và học các học phần trong chương trình theo quy định.

Trường Đại học Kinh tế lựa chọn các học phần trong 2 hướng nghiên cứu là Lý thuyết Kinh tế chính trị và Kinh tế chính trị của phát triển của Trường Manchester để xây dựng chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị của Trường do đây là 2 hướng nghiên cứu gần nhất với hướng nghiên cứu và mục tiêu đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị của nhà trường.

## PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo :	<b>64 tín chỉ</b>
- Khối kiến thức chung:	<b>8 tín chỉ</b>
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	<b>41 tín chỉ</b>
+ <i>Bắt buộc</i> :	<b>21 tín chỉ</b>
+ <i>Tự chọn</i> :	<b>20 tín chỉ /40 tín chỉ</b>
- Luận văn thạc sĩ:	<b>15 tín chỉ</b>

### 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (*)</b>			<b>8</b>				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản <i>English for general purposes</i>	4	40	20	0	
<b>II. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>41</b>				
<b>II.1 Các học phần bắt buộc</b>			<b>21</b>				
3	INE 6101	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	3	30	15	0	
4	INE 6005	Lý thuyết kinh tế vi mô <i>Microeconomic Theory</i>	2	20	10	0	
5	INE 6003	Lý thuyết kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomic Theory</i>	2	20	10	0	
6	PEC 6004	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao <i>Intermediate History of Economic Doctrines</i>	3	30	15	0	
7	PEC 6009	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển <i>Poverty, Inequality and Government in Less Developed Countries</i>	2	20	10	0	
8	PEC 6005	Kinh tế chính trị Mác-xít <i>Marxist Political Economy</i>	3	30	15	0	
9	PEC 6006	Kinh tế chính trị của sự phát triển <i>Political Economy of Development</i>	3	30	15	0	
10	PEC 6007	Kinh tế chính trị Việt Nam <i>Political Economy of Vietnam</i>	3	30	15	0	
<b>II.2 Các học phần tự chọn</b>			<b>20/40</b>				



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
11	PEC 6001	Chính trị và phát triển <i>Politics &amp; Development</i>	2	20	10	0	
12	INE 6040	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	2	20	10	0	
13	PEC 6003	Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển <i>Industrialisation in Developing Countries</i>	2	20	10	0	
14	PEC 6008	Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế <i>Globalisation and International Political Economy</i>	2	20	10	0	
15	PEC 6038	Lịch sử kinh tế Việt Nam <i>Vietnamese Economic History</i>	2	30	15	0	
16	PEC 6010	Nông nghiệp trong phát triển kinh tế <i>Agriculture in Economic Development</i>	2	20	10	0	
17	PEC 6011	Tăng trưởng phát triển và sự chuyển đổi kinh tế <i>Growth Development &amp; Economic Transformation</i>	2	20	10	0	
18	PEC 6013	Kinh tế chính trị về nền kinh tế tri thức <i>Political economy of knowledge economy</i>	2	20	10	0	
19	PEC 6014	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người <i>Economic Growth and Human Development</i>	2	20	10	0	
20	PEC 6024	Toàn cầu hóa và chính sách công <i>Globalisation and Public Policy</i>	2	20	10	0	
21	PEC 6025	Nhà nước, thị trường và	2	20	10	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		quản trị quốc tế <i>States, Markets and International Governance</i>					
22	PEC 6026	Chính sách xã hội: các vấn đề và những sự lựa chọn <i>Social Policy: Issues and Options</i>	2	20	10	0	
23	PEC 6028	Những vấn đề về chính sách thị trường lao động <i>Labour Market Policy Issues</i>	2	20	10	0	
24	PEC 6023	Quản lý khoa học công nghệ <i>Science and Tecnology Management</i>	2	20	10	0	
25	PEC 6017	Quản lý công và Lãnh đạo <i>Public Management and Leadership</i>	3	35	10	0	
26	PEC6039	Phân tích chính sách kinh tế - xã hội nâng cao <i>Advanced Socio-Economic Policy Analysis</i>	3	30	15	0	
27	INE 6006	Thương mại quốc tế <i>International trade</i>	3	30	15	0	
28	INE 6007	Tài chính tiền tệ quốc tế <i>International Finance Monetary</i>	3	30	15	0	
<b>III.</b>	PEC 7001	<b>LUẬN VĂN THẠC SĨ</b>	15				
<b>Tổng cộng</b>			<b>64</b>				

**Ghi chú:** (\*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.